

Số: 2972 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
thực hiện nhiệm vụ mua sắm trang phục, thiết bị,
dụng cụ tập luyện và thi đấu năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông
tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm
nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực
lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức xã
hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11
năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa
bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm
2023, tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 4616/BC-STC
ngày 08 tháng 8 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thực hiện nhiệm vụ mua sắm trang phục, thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu năm 2023, với nội dung chính như sau:

1. Dự toán kinh phí: 5.111.977.000 đồng (năm tỷ, một trăm mười một triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã giao cho Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục, thể thao tỉnh tại Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ mua sắm trang phục, thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu năm 2023.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục, thể thao Thanh Hóa đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

3. Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục, thể thao tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

a) Quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định pháp luật.

b) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ, tổ chức lựa chọn và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và thực hiện các nội dung có liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật.

c) Giám đốc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục, thể thao tỉnh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách

và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các quyết định của mình.

4. Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục, thể thao tỉnh theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Giám đốc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục, thể thao tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature in blue ink)

Đào Thanh Tùng

Phụ lục số 01:

**DỰ TOÁN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ MUA SẮM TRANG PHỤC,
THIẾT BỊ, DỤNG CỤ TẬP LUYỆN VÀ THI ĐẤU NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023

của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán được giao
	Tổng cộng	5.111.977.000
A	Trang bị chung	1.068.450.000
1	Khăn tắm	51.000.000
2	Quần áo (gió)	804.950.000
3	Quần áo cộc	212.500.000
B	Thiết bị, dụng cụ huấn luyện và thi đấu	3.810.342.000
I	Karate	139.603.000
1	Bộ võ phục thi đấu loại 2	19.833.000
2	Bộ võ phục thi đấu loại 1	19.998.000
3	Găng thi đấu	23.430.000
4	Bộ bọc chân	22.680.000
5	Giáp ngực	8.250.000
6	Bịt răng	9.636.000
7	Sợi đai (33 đai xanh + 33 đai đỏ)	12.276.000
8	Đòn tạ (loại 20kg/đòn)	10.500.000
9	Trụ đấm (loại để dưới đất)	13.000.000
II	Jujitsu	94.590.000
1	Võ phục tập luyện và thi đấu nội dung Newara Gi	36.855.000
2	Quần áo tập luyện và thi đấu nội dung Newara Nogi	9.705.000
3	Hình nộm người dùng để tập bổ trợ chuyên môn	15.880.000
4	Bọc chân Jujitsu (nội dung Fighting)	7.500.000
5	Găng sỏ ngón (nội dung Fighting)	8.000.000
6	Cuki	3.150.000
7	Bọc răng	1.050.000
8	Tạ bình vôi	3.850.000
9	Lăm pơ tay	2.200.000
10	Lăm pơ chân	2.400.000
11	Mũ tập luyện nội dung (fullcontac jujitsu)	4.000.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
III	Judo	90.300.000
1	Võ phục trắng	39.900.000
2	Võ phục xanh	39.900.000
3	Bộ quần áo ép cân	10.500.000
IV	Cờ	24.490.000
1	Đồng hồ chuyên dụng	20.490.000
2	Bộ cờ vua	4.000.000
V	Võ cổ truyền	214.384.000
1	Võ phục	39.720.000
2	Găng	19.200.000
3	Địch chân	19.056.000
4	Địch tay	15.072.000
5	Bộ đồ ép cân	15.000.000
6	Giáp	20.800.000
7	Thảm tập luyện	85.536.000
VI	Đua thuyền	174.470.000
1	Bộ quần áo giữ nhiệt dài tay bó dẫn bốn chiều (đồng phục giống nhau)	19.470.000
2	Thuyền Canoeing C1	105.000.000
3	Chèo Canoeing	50.000.000
VII	Cử tạ	200.900.000
1	Giày tập cử tạ	112.000.000
2	Đai da	57.000.000
3	Dây kéo	18.900.000
4	Bột xoa tay	13.000.000
VIII	KURASH	93.352.000
1	Quần áo tập luyện thi đấu	24.330.000
2	Giày thể thao tập thể lực	14.730.000
3	Áo ép cân	9.000.000
4	Băng keo quấn tay	18.000.000
5	Bóng rổ	670.000
6	Bóng chuyền	590.000
7	Dây nhảy	1.032.000
8	Bộ tạ gánh tập thể lực 200kg	25.000.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
XI	Đá cầu	35.032.000
1	Cầu đá	28.750.000
2	Quần áo thi đấu	2.982.000
3	Giày chuyên dụng	3.300.000
X	Cầu lông	33.000.000
1	Quả cầu tập luyện	33.000.000
XI	Bóng chuyền	155.378.000
1	Áo cộc tập luyện	23.808.000
2	Bộ quần áo cộc thi đấu	18.720.000
3	Bóng	26.850.000
4	Giày thi đấu	75.000.000
5	Bóng động lực	11.000.000
XII	Boxing	117.739.000
1	Găng loại 1	35.748.000
2	Găng loại 2	3.000.000
3	Địch đấm	3.211.000
4	Tạ tay bọc cao su 1kg	5.250.000
5	Tạ tròn	3.500.000
6	Mũ bảo hộ loại 1	4.000.000
7	Mũ bảo hộ loại 2	6.000.000
8	Băng quấn tay	7.000.000
9	Bao đấm	13.500.000
10	Quần áo ép cân	10.500.000
11	Giày tập luyện	24.330.000
12	Bóng cao su đặc 6kg	1.700.000
XIII	Bi sắt	35.891.000
1	Bi tập luyện và thi đấu	32.585.000
2	Vòng thi đấu	2.646.000
3	Tạ tay	660.000
XIV	Cầu mây	69.796.000
1	Quần áo thi đấu	15.336.000
2	Bó gói	5.000.000
3	Dây nhảy	4.950.000
4	Giày thi đấu	16.710.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
5	Bó gót	5.000.000
6	Dây nhảy lõi thép	3.000.000
7	Rào nhựa (15cm)	2.000.000
8	Nămber tay	1.250.000
9	Rào nhựa (30cm)	3.000.000
10	Rào nhựa (40cm)	4.000.000
11	Dây nhảy đếm Calo	6.250.000
12	Dây nhảy thể lực đàn hồi	3.300.000
XV	Taekwondo	111.260.000
1	Võ phục tập luyện	38.480.000
2	Miếng đá lớn	10.920.000
3	Đích đá nhỏ	7.020.000
4	Giáp	9.920.000
5	Mũ	13.000.000
6	Bảo hộ tay chân	10.920.000
7	Tất điện tử	21.000.000
XVI	Bơi	160.750.000
1	Máy quay kháng nước	26.000.000
2	Máy quay trên cạn	40.000.000
3	Bộ tạ đa năng	74.000.000
4	Máy chiếu	14.000.000
5	Máy đo nhịp tim	6.750.000
XVII	Wushu	112.273.000
1	Quần áo tập luyện	16.200.000
2	Băng đa	10.080.000
3	Bao đấm, đá	18.000.000
4	Nệm tập thể lực	19.000.000
5	Bọc răng	6.300.000
6	Giáp đùi	21.693.000
7	Găng tay tập luyện	21.000.000
XVIII	Lặn	198.499.000
1	Áo bơi tập luyện	5.685.000
2	Áo bơi thi đấu jacket	54.000.000
3	Quần bơi tập luyện	4.365.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
4	Kính bơi	4.365.000
5	Mũ bơi	2.055.000
6	Chân vịt bản lớn tập luyện	15.765.000
7	Chân vịt bản lớn thi đấu	56.700.000
8	Chân bifiin tập luyện	6.224.000
9	Chân bifiin thi đấu	14.940.000
10	Xe đạp	34.400.000
XIX	Xe đạp	168.405.000
1	Đồ bảo hộ đồ đèo	36.094.000
2	Group thi đấu	15.726.000
3	Vành	7.372.000
4	Lốp kích cỡ 27,5"	2.652.000
5	Lốp kích cỡ 29"	3.306.000
6	Giày	10.025.000
7	Mũ	17.694.000
8	Săm kích cỡ 27,5"	702.000
9	Săm kích cỡ 29"	786.000
10	Group xe	50.000.000
11	Quần áo thi đấu	24.048.000
XX	Kick Boxing	91.764.000
1	Địch đấm	24.904.000
2	Mũ bảo vệ	20.000.000
3	Bao đấm quả lê	27.000.000
4	Găng đấm	19.860.000
XXI	Vật	132.220.000
1	Giày	41.280.000
2	Áo	31.440.000
3	Tạ bình vôi	9.500.000
4	Tạ đòn	50.000.000
XXII	Điền kinh	413.275.000
1	Sào nhảy	50.000.000
2	Tạ bình vôi (loại 20kg)	7.000.000
3	Quần áo thi đấu	27.275.000
4	Giày đinh điền kinh	54.000.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
5	Giày mềm việt dã	75.000.000
6	Xe đạp 3 môn phối hợp (đua đường trường)	200.000.000
XXIII	Pencaksilat	154.335.000
1	Võ phục tập luyện (có đai)	39.000.000
2	Lăn sơ nhỏ 30x50	20.440.000
3	Giáp tập luyện	27.315.000
4	Kuky	9.020.000
5	Băng cơ	9.640.000
6	Băng cổ chân, cổ tay	15.200.000
7	Bảo hiểm đầu gối	15.720.000
8	Bao da đấm đá	18.000.000
XXIV	Quần vợt	69.425.000
1	Bóng tập luyện và thi đấu loại 1	25.500.000
2	Bóng tập luyện và thi đấu loại 2	6.500.000
3	Dây cước vợt	12.625.000
4	Quần cán vợt	4.800.000
5	Lưới	3.000.000
6	Vợt cây loại 1	8.600.000
7	Vợt cây loại 2	8.400.000
XXV	Vovinam	164.277.000
1	Quần áo thi đấu đúng quy cách	26.082.000
2	Võ phục tập luyện	18.900.000
3	Bảo hộ tay tập luyện	5.700.000
4	Bảo hộ chân	5.700.000
5	Bọc răng tập luyện	4.160.000
6	Bó gót cổ chân	3.800.000
7	Bảo hộ hạ bộ nam	2.000.000
8	Bảo hộ nữ	2.000.000
9	Băng quấn tay thi đấu	9.000.000
10	Quần áo ép cân	15.000.000
11	Lamry đá hình chữ nhật	15.000.000
12	Bình khí tập luyện quyền	37.260.000
13	Dây thừng tập thể lực	2.900.000
14	Giàn tạ đa năng	16.775.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
XVI	Bắn súng - Bắn cung	301.200.000
1	Thước ngắm cung 3 dây	120.000.000
2	Thân tên (thanh carbon)	96.000.000
3	Tấm bia bụi nhùi	30.000.000
4	Kìm bắn cung	25.200.000
5	Đuôi và Cánh tên	30.000.000
XXVII	Bóng bàn	61.000.000
1	Quả bóng bàn loại 1	17.000.000
2	Quả bóng bàn loại 2	14.000.000
3	Mặt vợt bóng bàn loại 2	15.000.000
4	Mặt vợt bóng bàn loại 1	15.000.000
XXVIII	Đấu kiếm	69.934.000
1	Mặt nạ thi đấu kiếm liễu	14.000.000
2	Mặt nạ thi đấu kiếm 3 cạnh	14.000.000
3	Găng tay tập và thi đấu	7.074.000
4	Dây điện thi đấu kiếm liễu 3 cạnh	7.860.000
5	Giày, tất tập và thi đấu	27.000.000
XXIX	Muay	122.800.000
1	Găng	64.600.000
2	Giáp bụng	7.800.000
3	Giáp đùi	12.000.000
4	Dây nhảy	4.800.000
5	Mũ	8.000.000
6	Quần áo	25.600.000
C	Mua đạn thể thao	162.000.000
1	Đạn nổ thể thao thi đấu	58.000.000
2	Đạn thi đấu bắn đĩa bay	104.000.000
D	Chi phí khác	71.185.000
1	Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	17.905.000
2	Chi phí tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	8.950.000
3	Chi phí thẩm định giá	44.000.000
4	Chi phí đăng tải hồ sơ mời thầu trên mạng đấu thầu quốc gia	330.000

Phụ lục số 02:

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ MUA SẮM
TRANG PHỤC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ TẬP LUYỆN VÀ THI ĐẤU NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 1: Mua sắm trang phục, thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu năm 2023	4.878.792	Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã giao cho Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục, thể thao tỉnh tại Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý III/2023	Trọn gói	60 ngày
2	Gói thầu số 2: Mua sắm vũ khí thể thao	162.000		Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu		Quý III/2023	Trọn gói	120 ngày
3	Gói thầu số 3: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	17.905		Chỉ định thầu theo quy trình rút gọn		Quý III/2023	Trọn gói	40 ngày
4	Gói thầu số 4: Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.	8.950		Chỉ định thầu theo quy trình rút gọn		Quý III/2023	Trọn gói	40 ngày
	Tổng cộng	5.067.647						